

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày: 29/05/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Thẩm phán Ông **Trần Minh Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hà**

Ông **Nguyễn Viết Dũng**

Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2024 Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu (Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử hình sự, Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng) để xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 25/04/2024 và Thông báo hoãn phiên tòa số 90/TB-TA ngày 09/05/2024 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN N, sinh ngày xx/xx/19xx tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: và nơi cư trú: xxA/x Lê Văn H, tổ 59 phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Lao động phổ thông; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Trần Thị L; Có vợ là Lê Thị Huyền T và 01 con sinh năm 20xx; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/07/2023 bị Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt từ ngày 28/06/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo TRẦN VĂN N:* Luật sư **Võ Thị Nhật Phương** – Luật sư Công ty luật TNHH NPQ, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Hồ Thị Dạ H**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Kxxx/xx/x Nguyễn C, phường Hòa M, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Ông **Đinh Ngọc H**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn Đoàn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk L. Vắng mặt.

3/ Bà **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: xxA/x Lê Văn H, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4/ Ông **Trần Văn D**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5/ Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ xx, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

6/ Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Khối phố xx, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7/ Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Khối phố xx, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8/ Ông **Trần Anh V**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: : Khối phố xx, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người chứng kiến:* Ông **Phùng Văn N**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* *Tham gia tại điểm cầu trung tâm (Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) gồm có:* Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát, Thư ký phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* *Tham gia tại điểm cầu thành phần (Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng) gồm có:*

- Bị cáo: **TRẦN VĂN N**.

- Các cán bộ, chiến sỹ của Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng:

1/ Ông **Lê Minh Thanh**, chức vụ: cán bộ;

2/ Ông **Nguyễn Lê Bá Trọng**, chức vụ: cán bộ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 10 phút ngày 28 tháng 16 năm 2023, tại nhà số xxA/3, đường Lê Văn H, Tổ xx, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; Phòng CSĐTTP về Ma túy Công an thành phố Đà Nẵng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với TRẦN VĂN N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

*Đồ vật, tài liệu tạm giữ, thu giữ gồm:

- 01 gói nilong kích thước khoảng (8x13,5) cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là chất ma túy. Được niêm phong theo quy định pháp luật, ký hiệu: A.

- 01 điện thoại di động màu xanh gắn sim số: 0905031070; số Imel: 357177503189925.

- 01 điện thoại di động màu trắng gắn sim số: 0879827763; số Imel: 3530 66114491230.

Lúc 17 giờ 45 phút ngày 28 tháng 6 năm 2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của TRẦN VĂN N tại số nhà xxA/3, đường Lê Văn H, Tổ xx, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng trên nền gác lửng dưới cửa sổ:

- 01 gói nilong kích thước khoảng (8x13,5) cm bên trong chứa: 10 viên nén màu vàng hình chữ nhật, 38 viên nén màu cam, 88 viên nén màu xám; nghi là chất ma túy. Được niêm phong theo quy định pháp luật, ký hiệu: B. (N khai đây là ma túy khi N vừa cầm ma túy về nhà, thấy có công an nên N ném gói ma túy này lên gác lửng).

* Thu giữ trong phòng ngủ của vợ chồng N:

- Tại ngăn tủ quần áo thứ hai bên phải:

+ 01 hộp giấy có chữ "POCKET SCALE" bên trong có 01 cân điện tử màu đen có chữ "POCKET SCALE".

+ 01 gói nilong kích thước khoảng (25x17) cm bên trong có: 100 vỏ bao kích thước khoảng (4x6) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (3x4) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (2,5x2,5) cm chưa qua sử dụng.

+ 01 căn cước công dân cấp cho TRẦN VĂN N.

- Thu giữ trong két sắt để trong ngăn tủ quần áo có:

+ 26 cọc tiền mệnh giá 500.000đ, mỗi cọc có 100 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (không kiểm tra thật giả). Tổng cộng: 1.300.000.000đ.

+ Số tiền 66.000.000đ.

Qua công tác giám định, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Kết L giám định số: 573/KL-KTHS ngày 05/7/2023, kết L:

- Tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu A: 49,717 gam.

- Mẫu viên nén màu cam ký hiệu B2 và viên nén màu xám ký hiệu B3 gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu B2: 18,094 gam; B3: 35,361 gam.

- Mẫu viên nén màu vàng hình chữ nhật ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Delta-9-tetrahydrocannabinol; khối lượng mẫu B1: 5,419 gam).

Tổng khối lượng Methamphetamine và MDMA: 103,172 gam.

* Qua điều tra xác định:

Khoảng đầu năm 2023, thông qua mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội giới thiệu, TRẦN VĂN N quen biết 02 nam thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch tên T có số điện thoại 07625408xx lưu trong danh bạ điện thoại là "T Lee" và tên Nho ở khu vực Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam (không nhớ số điện thoại) đều có bán ma túy nên N bắt đầu liên hệ mua ma túy về bán kiếm tiền. Đầu năm 2023, N đã mua ma túy của Nho 01 lần với số lượng 50 gam ketamine và 150 viên thuốc lắc với giá ketamine 30.000.000đ, thuốc lắc 170.000đ/01 viên, cho nợ tiền. Một mình N đi Grab vào khu vực Điện Ngọc nhận ma túy mang về Đà Nẵng bán hết cho một nam thanh niên tên Huy (không rõ nhân thân, lai lịch), giao dịch tại khu vực dưới cầu Sông Hàn với giá tiền 32.000.000đ ketamine, thuốc lắc 200.000đ/01 viên, thanh toán bằng tiền mặt. Sau đó, N trả tiền mua ma túy cho Nho. Số tiền thu lợi được 6.500.000đ N đã tiêu xài hết. Sau lần mua bán ma túy này, N dừng hoạt động.

Đến khoảng đầu tháng 5/2023, N đã mua ma túy của T 02 lần (đầu tháng và giữa tháng 5), mỗi lần 50 gam ketamine và 150 viên thuốc lắc với giá ketamine 30.000.000đ, thuốc lắc 200.000đ/01 viên. Sau khi có ma túy, một mình N mang về phòng vệ sinh tầng trệt căn nhà xxA/3 Lê Văn H, thành phố Đà Nẵng, dùng cân điện tử, bao ny lông phân chia ketamine mỗi gói 2,5 gam, thuốc lắc để N và cất giấu tại khu vực đường luồng căn nhà để bán, không ai biết. Khi khách có nhu cầu mua ma túy thì liên lạc vào số điện thoại 0905031xxx của N, hẹn địa điểm giao dịch ma túy tại khu vực đầu kiệt xx đường Lê Văn H với giá 3.000.000đ/2,5gam ketamine, 300.000đ/01 viên thuốc lắc. Số ma túy này N đã bán hết cho nhiều người (không rõ nhân thân, lai lịch, không nhớ số điện thoại). Số tiền hưởng lợi được 90.000.000đ. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/06/2023, N sử dụng số điện thoại gắn sim 0905031xxx liên lạc qua mạng xã hội Telegram và Messenger với T có nickname "T Lee" đặt mua 50 gam ma túy (ketamine) và 150 viên ma túy (thuốc lắc). T đồng ý bán và báo giá 50 gam Ketamine 30.000.000đ, thuốc lắc 200.000đ (hai trăm

ngàn đồng)/01 viên. Đồng thời, T thông báo cho N mang về cân lại, kiểm đếm rồi mới thanh toán tiền mặt và hẹn giao dịch ma túy tại khu vực đường Nguyễn Công T gần ngã năm Ngô Q, quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, N một mình từ nhà số xxA/3, đường Lê Văn H, thành phố Đà Nẵng đón xe Grab mô tô đến điểm hẹn gặp T và nhận 01 túi giấy màu đỏ bên trong chứa ma túy. Sau khi nhận ma túy xong, trên đường về nhà, N mở kiểm tra thấy có 01 gói ma túy tinh thể rắn màu trắng và 01 gói ma túy thuốc lắc có nhiều màu. N lấy 02 gói ma túy cất vào túi áo khoác, còn túi giấy màu đỏ thì vứt rác ở ngoài đường. Khi vừa về đến sân nhà thì N phát hiện lực lượng Công an truy bắt nên chạy vào đường luồng căn nhà, vừa chạy vừa móc 02 gói ma túy vứt lên cửa sổ ở tầng gác lửng phía trên đường luồng nhưng gói thuốc lắc thì lọt qua cửa sổ, còn gói ma túy tinh thể rắn màu trắng thì rơi xuống đường luồng. N vừa vứt xong thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ gói ma túy tinh thể rắn màu trắng. Còn gói ma túy (thuốc lắc) cũng bị thu giữ khi khám xét chỗ ở của N tại nhà số xxA/3, đường Lê Văn H, thành phố Đà Nẵng. TRẦN VĂN N khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét là của N mua về với mục đích để phân chia bán kiếm lời.

Tiến hành thử test ma túy đối với TRẦN VĂN N cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Quá trình điều tra, TRẦN VĂN N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Trong tổng số tiền 1.366.000.000 thu giữ có 90.000.000 đồng tiền N thu lợi từ việc bán ma túy mà có, 1.100.000.000 đồng tiền nhận đền bù giải tỏa đất ở Điện Bàn – Quảng Nam của bà Ngô Thị T (bà nội của N) do bà T già yếu, các anh em của ông Trần Văn D (là con của bà T) thống nhất giao cho ông D là con trai trưởng cất giữ để lo sửa chữa nhà thờ, phụng dưỡng bà T, ông D đưa cho vợ là bà Trần Thị L cất giữ, bà L đưa cho chị Lê Thị Huyền T (vợ của N) cất giữ trong két sắt của vợ chồng N. Số tiền còn lại 176.000.000 đồng là tiền kinh doanh bất động sản của N đưa cho vợ là chị Trang cất giữ.

Tại Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-P1 ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo TRẦN VĂN N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự

***Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Bị cáo TRẦN VĂN N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ N quan điểm truy tố bị cáo TRẦN VĂN N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt TRẦN VĂN N 20 năm tù; phạt bổ sung đối với bị cáo từ 80.000.000 đến 100.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị xử lý vật chứng như đã nêu trong Bản Cáo trạng.

- Luật sư Võ Thị Nhật Phương bào chữa cho bị cáo TRẦN VĂN N thống nhất về tội danh, điểm điều khoản Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố và thống nhất với quan điểm đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo vì bị cáo ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, tự thú ra những lần phạm tội trước đó của mình. Tuy nhiên luật sư còn cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội (làm từ thiện), hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn (mặc dù không có tài liệu gì chứng minh về việc này nhưng đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện VKS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có lời khai trình bày cụ thể trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Qua xem xét lời khai của bị cáo TRẦN VĂN N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, quan điểm L tội của đại diện VKS, L cứ bào chữa của luật sư, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết L giám định về ma túy cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ

sở để xác định: Từ khoảng đầu năm 2023 đến tháng 05 năm 2023, TRẦN VĂN N đã 03 lần mua ma túy của các đối tượng tên T và tên N1 (không xác định được nhân thân, lai lịch). Theo N khai mỗi lần N mua 50 gam ma túy loại Ketamine với giá 30.000.000 đồng và 150 viên ma túy dạng thuốc lắc với giá từ 170.000/1v – 200.000/1v mang về bán lại cho nhiều người khác thu lợi bất chính tổng số tiền 96.500.000 đồng. Lần thứ 04 vào ngày 28/6/2023 TRẦN VĂN N tiếp tục mua ma túy của đối tượng tên T (theo N khai 50 gam ma túy loại Ketamine với giá 30.000.000 đồng và 150 viên ma túy dạng thuốc lắc) với giá 200.000đ/1v mang về nhà tại số xxA/3 đường Lê Văn H, tổ xx phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của bị cáo 49,717 gam ma túy loại Methamphetamine, 53,455 gam ma túy loại MDMA, 5,419 gam ma túy loại Delta-9-tetrahydrocannabinol.

Hành vi trên của TRẦN VĂN N đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-P1 ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Chỉ trong khoảng thời gian ngắn (6 tháng) bị cáo N đã liên tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nhiều loại ma túy, bán cho nhiều người với số lượng lớn (Số lượng ma túy thu giữ được khi bắt giữ bị cáo trong vụ án này trên 100 gam ma túy các loại). Bị cáo cũng đã thu lợi bất chính số tiền gần 100.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hành vi của bị cáo cũng là một trong những N nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Ngoài việc mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã bị xử lý hành chính). Do vậy, đối với bị cáo cần phải xử phạt mức án thật nghiêm khắc, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để trừng trị, răn đe, cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo TRẦN VĂN N phạm tội từ 02 (hai) lần trở lên nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó chưa bị phát

hiện. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Riêng đề nghị của Luật sư về việc áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo (vì quá trình sống tại địa phương bị cáo có tham gia các hoạt động từ thiện, hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn) để xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhưng HĐXX xét thấy không có tài liệu gì chứng minh việc bị cáo có tham gia các hoạt động từ thiện trên nên không có căn cứ chấp nhận, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

* Tịch thu, tiêu hủy đối với những tang vật gồm:

- 02 phong bì niêm phong (A;B) đựng mẫu ma túy hoàn trả sau giám định theo Kết L giám định số 573/KL-KTHS ngày 05/07/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 hộp giấy có chữ "POCKET SCALE" bên trong có 01 cân điện tử màu đen có chữ "POCKET SCALE".

- 01 gói nilong kích thước khoảng (25x17) cm bên trong có: 100 vỏ bao kích thước khoảng (4x6) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (3x4) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (2,5x2,5) cm chưa qua sử dụng.

- 01 sim số 0905031070.

- 01 sim số 0879827763.

*Tịch thu sung công quỹ nhà nước 02 cái điện thoại di động bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 01 điện thoại di động màu xanh, số Imel: 357177503189925.

- 01 điện thoại di động màu trắng, số Imel 353066114491230.

* Trong tổng số tiền 1.366.000.000 đồng thu giữ trong két sắt ở trong phòng ngủ của vợ chồng bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh được trong số tiền này có số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bị cáo mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công. Ngoài ra bị cáo còn thu lợi bất chính số tiền 6.500.000 đồng nhưng đã tiêu xài hết nên cần truy thu của bị cáo số tiền này để sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.100.000.000 đồng có nguồn gốc từ việc nhận tiền giải tỏa đền bù đất tại phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng N của bà Ngô Thị T (bà nội của bị cáo). Do bà T đã già yếu nên các con bà đã thống nhất giao số tiền này cho ông Trần Văn D (cũng là con trai trưởng của bà T và là cha ruột của bị cáo) cất giữ để xây dựng nhà thờ cho ông bà tổ tiên và phụng dưỡng bà T, ông D giao số tiền này cho vợ ông là bà Trần Thị L cất giữ, khi vợ chồng bị cáo mua kết sắt về, bà L gửi cho vợ bị cáo cất giữ trong kết sắt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được số tiền có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Vì vậy cần giao trả lại cho ông Trần Văn D.

* Trả lại cho bị cáo TRẦN VĂN N 01 căn cước công dân mang tên TRẦN VĂN N.

* Đối với số tiền 176.000.000 đồng còn lại là tiền của bị cáo tích góp được trong việc kinh doanh bất động sản đưa cho vợ bị cáo cất giữ trong kết sắt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng không chứng minh được số tiền này có liên quan tới việc phạm tội của bị cáo nhưng xét thấy cần quy trữ để đảm bảo việc thi hành án

[8]. *Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:*

- Đối với nam thanh niên tên T và tên N1 là những người bán ma túy cho TRẦN VĂN N và những người mua ma túy của N không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau.

- Đối với Hồ Thị Dạ H là chủ thuê bao số điện thoại 0762540893 và Đinh Ngọc H là chủ thuê bao số 0905031070 không biết TRẦN VĂN N có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý.

- Đối với Lê Thị Huyền T là vợ của TRẦN VĂN N không biết N có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy nên cũng không có cơ sở xử lý.

[9]. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

[9.1]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.2]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo TRẦN VĂN N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

II. Về hình phạt:

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **TRẦN VĂN N** 20 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 28/06/2023; phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

III. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tuyên:

* Tịch thu, tiêu hủy đối với những tang vật gồm:

- 02 phong bì niêm phong (A;B) đựng mẫu ma túy hoàn trả sau giám định theo Kết L giám định số 573/KL-KTHS ngày 05/07/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 hộp giấy có chữ "POCKET SCALE" bên trong có 01 cân điện tử màu đen có chữ "POCKET SCALE".

- 01 gói nilong kích thước khoảng (25x17) cm bên trong có: 100 vỏ bao kích thước khoảng (4x6) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (3x4) cm chưa qua sử dụng, 100 vỏ bao kích thước khoảng (2,5x2,5) cm chưa qua sử dụng.

- 01 sim số 0905031070.

- 01 sim số 0879827763.

*Tịch thu sung công quỹ nhà nước những tang vật:

- 01 điện thoại di động màu xanh, số Imel: 357177503189925.

- 01 điện thoại di động màu trắng, số Imel 353066114491230.

- Số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo bán ma túy.

*Truy thu của bị cáo số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

* Trả lại cho bị cáo **TRẦN VĂN N** 01 căn cước công dân mang tên **TRẦN VĂN N**.

* Trả lại số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) cho ông Trần Văn D.

* Tiếp tục quy trừ số tiền 176.000.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số vật chứng và tiền nói trên hiện đang được Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/03/2024 và giấy ủy nhiệm chi số 26/NS/2024/240510_1012230_0161001 ngày 15/05/2024 của

Sở tài chính thành phố Đà Nẵng cho đơn vị nhận là Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo số tài khoản 3949.0.1054137.00000.

IV. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo TRẦN VĂN N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Phòng PC 45- CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Phòng PC 45- CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển